

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC THỌ  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/HS-ST

Ngày: 20/9/2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Việt Thắng.

*Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Hồng Minh và ông Nguyễn Đức Thọ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Đậu Thị Hiền Trang Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2022/TLST-HS ngày 31/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HS ngày 07/9/2022 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Đồng Thị D**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ. Sinh ngày 30 tháng 11 năm 2000. Nơi sinh: xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 10/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Đồng Minh T. Sinh năm 1976. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con bà: Hà Thị L. Sinh năm 1970. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Hiện trú tại thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ nhất. Chồng: Chưa có. Con: Có 01 người, sinh năm 2020.

Tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 16/8/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hiện đang được hoãn chấp hành án phạt tù, lý do nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Tiền sự: Có 01 tiền sự. Ngày 30/7/2018, bị Công an thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, với số tiền 500.000 đồng, đến nay Đồng Thị D chưa chấp hành quyết định (chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính).

Nhân thân:

- Ngày 05/10/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (Khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, đã chấp hành xong hình phạt).

- Ngày 26/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (Khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, đã chấp hành xong hình phạt).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 04/7/2022 đến nay tại thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt tại phiên tòa, sức khỏe bình thường và tự bào chữa.

\* **Bị hại:** Bà Trần Thị N, sinh năm: 1961; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Có mặt.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đậu Thị L, sinh năm: 1967; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

\* **Người làm chứng:** Bà Lê Thị Kim N, sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 17/6/2022, Đồng Thị D đang ở thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh gọi điện thoại cho chị Đậu Thị L làm nghề xe ôm ở khu vực Cổng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh, thuê chở đến nhà bà Trần Thị N ở thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (là mẹ của anh Nguyễn Quang T - bạn của D) và nói dối chị L là để lấy tiền nợ. Chị Đậu Thị L đồng ý, rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, sơn màu đỏ đen bạc, biển kiểm soát 38P1-587.54 chở D đi đến nhà bà N. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến gần nhà bà N thì D bảo chị L dừng xe đứng đợi, còn D đi bộ vào nhà bà N. Khi đến nhà bà N, D nhìn thấy cửa cổng và cửa nhà bà N đều đóng kín, biết không có người ở nhà nên D nảy sinh ý định đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản. Lúc này, D đi qua hàng rào vườn nhà bà N, rồi trèo qua cửa sổ nhà bếp (do trước đó D đã đến nhiều lần nên biết cánh cửa nhà bếp bị hỏng, có thể tháo ra) để vào nhà lục tìm tài sản. Khi đi đến khu vực giường ngủ của bà N, thì D nhìn thấy một chiếc điện thoại Iphone 8, màu vàng, có ốp lưng trong suốt để đầu giường, nên D lấy trộm chiếc điện thoại trên cất giấu vào túi áo bên phải của mình, rồi tiếp tục lục tìm tài sản, nhưng không tìm được gì. Một lúc sau, D đi theo đường cũ ra chỗ chị L đang đứng chờ và thuê chị L chở về thành phố H. Khi đi đến Shop G ở đường L, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, D sử dụng chiếc điện thoại vừa lấy trộm được đăng nhập vào tài khoản facebook “Nhật D” của mình, đăng nội dung: *Cần bán điện thoại Iphone 8, số điện thoại liên lạc 0325.427.665*, kèm theo hình ảnh chụp mặt trước và mặt sau chiếc điện thoại vừa lấy trộm, lên nhóm “Điện thoại cũ Hà Tĩnh”. Đến

khoảng 19 giờ cùng ngày, một người đàn ông không quen biết gọi điện thoại cho D hỏi mua chiếc điện thoại trên với giá 2.500.000 đồng, thì D đồng ý và hẹn đến khu vực công viên T ở đường X, thành phố H để giao dịch. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến điểm hẹn, D lấy sim số 0325.427.665 từ máy điện thoại ra rồi đưa chiếc điện thoại cho người đàn ông và người đó đưa cho D số tiền 2.500.000 đồng. Trên đường về, D đã vứt chiếc sim điện thoại bên đường. Số tiền bán chiếc điện thoại D đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 20/6/2022, Cơ quan Công an huyện Đ triệu tập Đồng Thị D đến làm việc thì D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 41/CT-VKS-ĐT ngày 25/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Đồng Thị D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm n, s Khoản 1, Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đồng Thị D mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng Khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự đề nghị buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt Bản án số 48/2021/HSST ngày 16/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H đã xử phạt bị cáo 07 tháng tù. Tổng hợp hai Bản án buộc bị cáo phải chấp hành 19 tháng tù đến 22 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự, đề nghị buộc bị cáo Đồng Thị D phải bồi thường cho bà Trần Thị N số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 3; Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a, c, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị buộc bị cáo Đồng Thị D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình, không có ý kiến gì tranh luận chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị hại không có ý kiến gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, tuy nhiên những người vắng mặt tại phiên tòa đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ, việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử, vì vậy căn cứ vào Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án quyết định xét xử vụ án.

[2]. *Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:* Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng pháp luật.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có tài hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 14 giờ 30 ngày 17/6/2022, tại nhà của bà Trần Thị N (ở thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh), Đồng Thị D lợi dụng chủ sở hữu sơ hở trong quản lý tài sản, đã lén lút lấy trộm 01 chiếc điện thoại Iphone 8, màu vàng của bà Trần Thị N, trị giá 3.500.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ truy tố bị cáo Đồng Thị D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo đang có một tiền án. Ngày 16/8/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 07 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang mang thai; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. *Về căn cứ quyết định hình phạt:* Xét tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có sức khỏe nhưng không chịu khó lao động mà lại đua đòi dẫn đến lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, sau đó lại đưa tài sản chiếm đoạt được đi bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo không những đang có một tiền án mà còn đang có một tiền sự. Ngày 30/7/2018, bị Công an thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, với số tiền 500.000 đồng, đến nay bị cáo chưa chấp hành quyết định (chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính) và là người có nhân thân rất xấu. Ngày

05/10/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (Khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, đã chấp hành xong hình phạt). Ngày 26/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (Khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, đã chấp hành xong hình phạt). Vì vậy, với hành vi phạm tội lần này Hội đồng xét xử xét thấy cần lên mức án tương xứng với hành vi, hậu quả mà bị cáo đã gây ra và cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp, đề cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị hại bà Trần Thị N yêu cầu bị cáo Đồng Thị D phải bồi thường trị giá chiếc điện thoại bị lấy trộm, tổn thất tinh thần, với tổng số tiền 5.000.000 đồng.

[7]. *Về xử lý vật chứng*: Quá trình điều tra đã xác định chiếc điện thoại di động Iphone 8, màu vàng, do Đồng Thị D bán cho một người không quen biết; còn chiếc sim số 0325.427.665 của bà Trần Thị N, Đồng Thị D đã tháo ra vứt bên đường nhưng không xác định được vị trí cụ thể, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. *Về xem xét trách nhiệm của những người liên quan*: Trong vụ án này, người đàn ông ở thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh mà bị cáo Đồng Thị D khai đã mua chiếc điện thoại bị cáo lấy trộm, do còn thiếu thông tin, nên không thể xác định được người này để điều tra, làm rõ. Còn bà Đậu Thị L là người đã chở bị cáo đến thôn T, xã T, huyện Đ, nhưng không biết bị cáo đến đó để thực hiện hành vi phạm tội, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[9]. *Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo*: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Đồng Thị D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điều n, s Khoản 1 Điều 51, Điều h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đồng Thị D 13 (Mười ba) tháng tù.

Căn cứ Khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án trước (Bản án số 48/2021/HS-ST ngày 16/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H) đã xử phạt bị cáo 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt hai bản án bị cáo phải chấp hành là 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 584, 585, 586, 588 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Đồng Thị D phải bồi thường cho bà Trần Thị N số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

**3. Về án phí:** Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 3; Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Đồng Thị D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần nội dung bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục T.H.A DS huyện Đ;
- Bị cáo, Bị hại, NCNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Việt Thắng**